TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 39/2023/HNGĐ-ST Ngày: 27-4-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo
2. Ông Huỳnh Sơn Tây

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1987. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn H, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ thường trú: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; địa chỉ tạm trú: Tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Bà Dương Thị L và ông Phan Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 24/12/2007.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông H không lo làm

ăn mà thường uống rượu bia và có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Hai vợ chồng cũng đã nhiều lần hoà giải, cố gắng hàn gắn nhưng giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể chung sống. Từ đầu tháng 02/2023 đến nay, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Do không chịu được việc ông H thường uống rượu bia và ăn chơi nên bà L đã đưa 02 con ra ngoài thuê nhà sinh sống, ông H thì ở lại căn nhà của vợ chồng. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Phan Hoàng H, sinh ngày 18/9/2008 và Phan Anh T, sinh ngày 21/9/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, hai con đang ở chung với bà L. Bà L đang kinh doanh dịch vụ spa thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Ông H thường xuyên uống rượu bia nên nếu trực tiếp nuôi con sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của hai con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:*

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, nơi kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Ông H vẫn lo làm ăn và chăm lo cho gia đình, mỗi tuần sau khi làm việc thì ông H có uống rượu bia và chơi bời cùng bạn bè là điều bình thường và chấp nhận được. Ông H không muốn hai con thiếu cha hay mẹ nên ông H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông H và bà L có 02 con chung là Phan Hoàng H, sinh ngày 18/9/2008 và Phan Anh T, sinh ngày 21/9/2012. Trường hợp ly hôn thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Phan Hoàng H và đồng ý để bà L nuôi cháu Phan Anh T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Dương Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Phan Văn H. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Phan Văn H đang cư trú tại phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 24/12/2007, bà Dương Thị L và ông Phan Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, bà L xác định giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông H không lo làm ăn mà thường uống rượu bia và có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác. Hai vợ chồng cũng đã nhiều lần hoà giải, cố gắng hàn gắn nhưng giữa hai vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể chung sống. Từ đầu tháng 02/2023 đến nay, hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Ông H cũng thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, nơi kết hôn và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Ông H xác định vẫn lo làm ăn và chăm lo cho gia đình, mỗi tuần sau khi làm việc thì ông H có uống rượu bia và chơi bời cùng bạn bè là điều bình thường và chấp nhận được. Ông H không muốn hai con thiếu cha hay mẹ nên ông H không đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa bà L và ông H hiện không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có động thái nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà L và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Dương Thị L và ông Phan Văn H có 02 con chung là Phan Hoàng H, sinh ngày 18/9/2008 và Phan Anh T, sinh ngày 21/9/2012. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Hiệp và đồng ý để bà L cháu Tú. Xét thấy, bà L có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, 02 con chung hiện đang do bà L nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng sống chung với bà L. Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con. Do đó, việc bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Dương Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị L về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Phan Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị L được ly hôn với ông Phan Văn H.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Phan Hoàng H, sinh ngày 18/9/2008 và Phan Anh T, sinh ngày 21/9/2012 cho bà Dương Thị L được quyền trực tiếp nuôi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0006675 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thanh phố Tân Uyên.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CC THADS thành phố Tân Uyên;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung